

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT: Thôn M, xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Số nhà 167, H1, phường Q, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn M, xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Văn B1, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T-Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 5 năm 2006. Sau khi kết hôn chị và anh S về chung

sống tại thôn M, xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến ngày 05 tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh S không tôn trọng bố, mẹ chị mà có những lời nói sỉ nhục gia đình chị, anh S đã nhiều lần dùng bạo lực đối với chị. Vợ chồng có khó khăn về kinh tế do trong thời kỳ hôn nhân anh S có vay nợ sử dụng riêng, vợ chồng phải trả nợ cho anh S. Vì vậy, vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, xa lánh. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn S có hai con chung là Phạm Nguyễn Việt P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2006 và Phạm Khôi N, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng, trường hợp Tòa án giao cho chị và anh S mỗi người nuôi dưỡng một con chung, chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Phạm Khôi N, giao cho anh S nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Việt P. Tại Văn bản thỏa thuận ngày 31 tháng 12 năm 2021, chị và anh S đã thỏa thuận chị nuôi dưỡng con chung Việt P, anh Sơn nuôi dưỡng con chung Khôi N là do để thuận lợi cho việc ly hôn nên quan điểm của chị nuôi con chung nào cũng được. Nay chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Khôi N. Vì con chung Khôi N còn nhỏ cần có chị chăm sóc nhiều hơn, còn con chung Việt P đã 15 tuổi có thể tự chăm sóc cho mình. Vợ chồng có nhà, đất ở xã N1 đã bán, hiện tại chị đang cư trú cùng chị gái chưa kết hôn ở nhà của ông, bà nội của chị tại phường Q, quận B, thành phố Hải Phòng, sau khi ly hôn cùng với sự hỗ trợ của gia đình chị sẽ mua nhà ở riêng; chị đang bán hàng và hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp, thu nhập 7.200.000 đồng/tháng, chị đang xin việc làm tại khu công nghiệp Hải Phòng, chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh S hiện là Bác sỹ công tác tại Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng. Hai con chung đang cư trú cùng anh S tại thôn M, xã N1, từ khi chị và anh S sống ly thân, chị đã nhiều lần đến thăm và đón con nhưng đều bị anh S ngăn cản, anh S không cho chị gặp con, không cho chị gọi điện cho con. Về việc anh S khai chị có quan hệ ngoại tình với người khác trong thời gian anh S đi làm công tác chống dịch là không đúng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, đơn đề nghị không ghi ngày tháng năm 2021, trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Nguyễn Thị H theo như lời khai chị H đã khai là đúng. Quá trình chung sống do anh có mâu thuẫn với mẹ chị H, chị H nghe mẹ nên đã tự ý bỏ đi và làm đơn ly hôn. Anh xác định anh có vay nợ riêng và vợ chồng phải trả nợ, năm 2021 anh đi chống dịch Covid-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị H đã đi thành phố Nha Trang và có quan hệ ngoại tình với người khác. Hiện tại anh không có chứng cứ để chứng minh về việc chị H có quan hệ ngoại tình. Anh có góp ý nhưng chị H không tiếp thu sửa chữa. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nên

chị H xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có hai con chung theo như chị H đã khai là đúng. Anh và chị H đã bán nhà ở, hiện chị H là lao động tự do còn anh công tác tại Bệnh viện Giao thông vận tải thu nhập 20.000.000 đồng/tháng, anh thuê nhà và cùng hai con ở riêng tại xã N1, anh mở phòng khám bệnh ngoài giờ tại nhà và tư vấn điều trị bệnh Covid-19, bố mẹ anh đã tặng cho anh quyền sử dụng đất, nên sau khi ly hôn anh sẽ xây dựng nhà ở. Theo Văn bản thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2021, anh và chị H đã thỏa thuận anh nuôi dưỡng con chung Phạm Khôi N, chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Việt P. Tuy nhiên, con chung Việt P lại có nguyện vọng được ở với anh để có điều kiện tiếp tục học tập và thi đại học tại Hải Phòng. Anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng hai con chung nên đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Anh Phạm Văn S thay đổi quan điểm về quan hệ hôn nhân: Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nhưng chị H cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, anh giữ nguyên quan điểm như anh đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hiện tại anh S là viên chức có mức lương ổn định, còn chị H là lao động tự do, nhà chị H đang ở không thuộc sở hữu của chị H. Hơn nữa, tại Văn bản thỏa thuận về việc nuôi con ngày 31 tháng 12 năm 2021, chị H và anh S đã thỏa thuận chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Việt P, anh S nuôi dưỡng con chung Phạm Khôi N. Sau khi biết anh S, chị H thỏa thuận, con chung Phạm Nguyễn Việt P có nguyện vọng được ở với bố để thuận tiện cho việc học tập và học đại học. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh S nuôi dưỡng để đảm bảo cho các con chung có điều kiện phát triển tốt nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.; Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S; giao con chung Phạm Khôi N, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013 cho chị H nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Nguyễn Việt P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2006 cho anh S nuôi dưỡng. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn H khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn S. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn S hiện đang cư trú tại thôn M, xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 5 năm 2006, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên nên tình cảm lạnh nhạt, xa lánh. Hiện tại hai bên đã cư trú mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S có hai con chung là Phạm Nguyễn Việt P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2006 và Phạm Khôi N, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013. Chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Phạm Khôi N, anh S đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng. Hai con chung đều có lời khai trình bày nguyện vọng được ở với anh S. Xét, hiện tại anh S là Bác sỹ, đang thuê nhà ở và mở phòng khám làm thêm ngoài giờ, còn chị H đang ở nhờ nhà ông, bà nội, chị H là lao động tự do thu nhập từ việc bán hàng và trợ cấp thất nghiệp, nên chị H và anh S đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Nên cần giao cho chị H và anh S mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H và anh S đã có văn bản thỏa thuận chị H nuôi dưỡng con chung Việt P, anh S nuôi dưỡng con chung Khôi N. Sau đó chị H thay đổi quan điểm có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Khôi N.

Xét thấy, con chung Khôi N nhỏ hơn, nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, hơn nữa ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhận được đơn của con chung Việt P đề nghị Tòa án cho cháu được ở với bố để tiện cho việc học tập và thi đại học. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Khôi N, giao cho anh S nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Việt P.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Khôi N sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Nguyễn Việt P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2006 cho anh Phạm Văn S nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 4054 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Nên trả lại cho chị H 150.000 đồng. Anh Phạm Văn S phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã N1 (ĐKKH ngày 22 tháng 5 năm 2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

